TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:41/2023/DS-PT
Ngày: 17 - 4 - 2023
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lại Văn Tùng

Bà V Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh NĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên toà: Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2023/TLPT- DS ngày 23/12/2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS – ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện NT bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2023/QĐXX-PT ngày 28/02/2023

1. Nguyên đơn: Ông Tô Ngọc N, sinh năm 1948;

Nơi cư trú: Thôn Mộng Lương, xã Hồng Quang, huyện NT, tỉnh NĐ

2. Bị đơn: Ông Tô Văn V, sinh năm 1957;

Nơi cư trú: Buôn Sah A, xã Ea Tul, huyện Cư M'Gar, tỉnh ĐL

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Tô Thị N, sinh năm 1941; nơi cư trú: Thôn Dứa, xã Hồng Quang, huyện NT, tỉnh NĐ

3.2. Bà Tô Thị C, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn Mộng Lương, xã Hồng Quang, huyện NT, tỉnh NĐ

3.3. Bà Tô Thị T, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn Lạc La, xã Hồng Quang, huyện NT, tỉnh NĐ

3.4. Bà Tô Thị L, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn Mộng Lương, xã Hồng Quang, huyện NT, tỉnh NĐ

3.5. Bà Tô Thị S, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn Mộng Lương, xã Hồng Quang, huyện NT, tỉnh NĐ

3.6. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1950 (là vợ ông N); nơi cư trú: Thôn Mộng Lương, xã Hồng Quang, huyện NT, tỉnh NĐ

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Tô Ngọc N, sinh năm 1948; nơi cư trú: Thôn Mộng Lương, xã Hồng Quang, huyện NT, tỉnh NĐ

3.7. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1961 (là vợ ông V); nơi cư trú: Buôn Sah A, xã Ea Tul, huyện Cư M'Gar, tỉnh ĐL

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Tô Văn V, sinh năm 1957; nơi cư trú: Buôn Sah A, xã Ea Tul, huyện Cư M'Gar, tỉnh ĐL

5. Người kháng cáo: Ông Tô Ngọc N, ông Tô Văn V là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt ông N, ông V, bà T, bà L, bà S. Những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020, đơn trình bày ngày 20/12/2020 và quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Tô Ngọc N trình bày:

- Thửa 5041, diện tích 340m^2 tờ bản số 12 ở thôn Mông Lương là của ông cha để lại cho bố ông là cụ Tô Văn Ngọ. Cụ Ngọ có 02 vợ, vợ cả là cụ Đoàn Thị Củ sinh được 04 người con, 02 người đã hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ còn ông (Tô Ngọc N) và Bà Tô Thị N, vợ hai là cụ Phan Thị Lành sinh được 05 người con gồm: Bà Tô Thị C, Tô Thị Soi, Tô Thị L, Tô Thị S và ông Tô Văn V. Cụ Củ chết năm 1952, cụ Lành chết năm 1975, cụ Ngọ chết năm 2011. Trước khi chết các cụ không để lại di chúc, di chúc ông Tô Văn V cung cấp là không đúng.

Bố mẹ ông cùng các con ở trên thửa đất này, tài sản trên đất có nhà cấp 4 lợp rạ cũ, năm 1972 ông lấy vợ sau đó chuyển ra ở riêng, ông Tô Văn V ở cùng bố nên ông V tự kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Tô Văn V từ năm nào ông không biết. Khi ông V ở cùng bố, do nhà xuống cấp nên ông V đã sửa chữa nhiều lần, năm 2014 đã nâng cấp nhà cấp 4, 03 gian mái ngói và 02 buồng hiên mái bằng công trình phụ kép kín trên nền nhà cũ, diện tích đất còn lại là sân và vườn như hiện nay.

- Thửa đất số 3971-3, tờ bản đồ số 10 diện tích 66m^2 tại làng Dứa, xã Hồng Quang, do Ủy ban nhân dân (UBND) xã Hồng Quang thanh lý cửa hàng năm 1995, bố ông đứng đơn đề nghị xin mua đất (vì cụ thuộc diện gia đình chính sách nên được diện ưu tiên). Năm 2006 đã được UBND huyện NT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Tô Văn Ngọ. Đất có vị trí: Phía Bắc nhà ông My; phía Nam giáp đường; phía Đông giáp đường; phía Tây giáp miếu và giáp đất ông Đài, độ dài các cạnh cụ thể như thế nào ông không biết.

Sau khi bố ông mua đất thì vợ chồng ông V là người sử dụng, đến năm 1998 vợ chồng ông V vào miền năm làm ăn giao lại cho bà Tô Thị S quản lý và buôn bán, khoảng năm 2014 bà S giao lại cho con trai lớn của ông V là cháu Tô Văn Khiêm sử dụng, đến năm 2018 ông V đã phá toàn bộ nhà cũ, xây nhà kiên cố 03 tầng để cho con ông V là vợ chồng anh Khiêm ở, lúc đó không ai có tranh chấp gì.

- Thửa số 5103, tờ bản đồ số 12 diện tích 850m^2 (trong đó có 300m^2 thổ cư, 310m^2 ao, 240m^2 đất vườn tạp), năm 1970 ông lấy vợ đến năm 1971 theo chủ trương của xã được cấp giãn cư nên gia đình ông được giao đất, ông đã xây các công trình nhà, bếp và công trình phụ trên đất sử dụng, năm 1986 ông đã có tên trong bản đồ địa chính 299 và năm 1995 đã được UBND huyện Nam Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên ông (Tô Ngọc N), đất có vị trí: Phía Bắc nhà ông Việt; phía Nam giáp nhà ông Dần, ông Lũ; phía Đông giáp nhà ông Phong; phía Tây giáp đường dong xóm, gia đình ông ở từ đó đến nay không ai có tranh chấp gì ai. Do vậy ông không nhất trí với yêu cầu phản tố của ông Tô Văn V đề nghị chia di sản thừa kế đối với thửa đất này.

- Đối với diện tích đất 115 tại thửa số 5139, tờ bản đồ số 12, diện tích 655m^2 (trong đó có 600m^2 đất ruộng và 55m^2 đất mạ) từ năm 1995 mang tên bố ông (cụ Tô Văn Ngọ). Diện tích đất này từ năm 1986 ông là người quản lý sử dụng nộp sản cho nhà nước đầy đủ, đến năm 2013 nhà nước đã dồn điền đổi thửa, đo chia lại còn lại diện tích bao nhiêu mét vuông ông không biết vì nhà nước lấy làm đường mỗi đầu khoảng 02m. Đến ngày 08/6/2019 ông Tô Văn V về đề nghị chia nên ông nhất trí đề xuất chia cho ông và ông Tô Văn V mỗi người ½, không họp các anh em trong gia đình, nhưng mọi người đều đồng ý ký biên bản, nên ông V đã gửi biên bản này đến cơ quan có thẩm quyền chia tách theo quy định. Do vậy, ông không nhất trí với yêu cầu của ông V đề nghị chia theo pháp luật mà giữ nguyên ý kiến thỏa thuận trên.

Nay ông đề nghị Tòa án chia di sản của bố ông (cụ Ngọ) để lại là thửa đất số 5041, diện tích 340m^2 tờ bản số 12 tại thôn Mộng Lương và thửa đất số 3971-3, tờ bản đồ số 10 diện tích 66m^2 tại làng Dứa, xã Hồng Quang theo quy định của pháp luật. Ông không nhất trí với bản di chúc của cụ Ngọ do ông V cung cấp vì hình thức của bản di chúc không đúng theo quy định, di chúc không pH chữ viết và ký của bố ông nên di chúc này là không hợp pháp đồng thời ông không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Tô Văn V.

* Bản tự khai ngày 23/12/2020, đơn phản tố ngày 24/01/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị T người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Tô Văn V trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Đúng như lời trình bày của ông N, vợ cả cụ Ngọ chết năm 1952, vợ hai cụ Ngọ chết năm 1972, cụ Ngọ (bố ông) chết năm 2011, trước khi chết (năm 2000) cụ Ngọ có lập di chúc để lại tài sản là nhà đất cụ Ngọ đang ở và đất thôn Dứa cho ông, có xác nhận của chính quyền địa phương nên di chúc này là hợp pháp.

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp:

- Đối với thửa 5041, diện tích 340m^2 tờ bản số 12 là của tổ tiên để lại cho bố ông (cụ Ngọ) và ông bác là ông Tô Văn Duyên sau đó nhà ông Duyên có hỏa hoạn nên chuyển sang chỗ khác ở để lại toàn bộ diện tích đất trên cho bố ông. Vợ chồng ông ở cùng với bố, nên năm 1986 ông đã có tên trong bản đồ địa chính 299 và 1995 đã được UBND huyện Nam Ninh cấp GCNQSDĐ mang tên ông (Tô Văn V). Năm 1998 vợ chồng ông đi làm ăn ở Tây Nguyên thì 02 con lớn của ông ở lại sống cùng ông nội (cụ Ngọ).

Quá trình sử dụng: Nhà bố mẹ làm đã lâu không còn giá trị sử dụng, được sự nhất trí của bố, ông đã tự bỏ tiền nâng cấp nhiều lần từ năm 1977 phá đi xây 03 gian nhà cấp 4 lợp ngói, đến năm 1982 ông lấy vợ, tự đóng gạch năm 1983 xây và sửa gian buồng phía đông lợp ngói và rạ đến năm 1986 ông xây thêm buồng phía Tây đổ mái bê tông và công trình phụ trên khuôn viên đất cũ. Năm 1989 vợ chồng ông làm lại toàn bộ 03 gian nhà cấp 4 và buồng phía Đông và hiên mái bằng, năm 2014 ông tiếp tục nâng cấp 03 gian nhà cấp 4 kiên cố đẹp hơn để ở cho đến nay.

Trước khi chết năm 2000 bố ông đã lập di chúc, có xác nhận của chính quyền địa phương phân định tài sản cho ông, nên ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông N về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất này. Trường hợp Tòa giải quyết chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại đối với thửa đất số 5041, diện tích 340m^2 tờ bản số 12 tại thôn Mộng Lương thì ông đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu đối với phần di sản của cụ Củ và cụ Lành theo quy định của pháp luật; còn phần di sản của bố ông (cụ Ngọ) chia theo di chúc.

- Đối với thửa đất số 3971-3, tờ bản đồ số 10 diện tích 66m^2 tại làng Dứa, xã Hồng Quang mang tên bố ông (Tô Văn Ngọ) nhưng là đất của ông. Vì năm 1995 nhà nước có chủ trương giải thể hợp tác xã mua bán, UBND xã Hồng Quang đứng ra thanh lý cửa hàng, lúc đó ông là Bí thư chi bộ kiêm Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã (HTX) mua bán, ông có nguyện vọng xin mua và đã được Ủy ban xã phê duyệt ra quyết định giao đất cho ông cùng 02 người khác là ông Phan Văn My và ông Nguyễn Ngọc Quyền. Nhưng do một số người dân làng Dứa gây rối chôn cột bê tông trên diện tích đất này, hôm đó vợ chồng ông không có mặt ở nhà, nên xã đã xử lý thay đổi quyết định hướng dẫn cho bố ông (cụ Ngọ) đứng đơn xin mua để hợp thức hóa giải quyết với dân làng Dứa, thực tế tiền mua đất là của ông bỏ ra nộp cho UBND xã (có biên lai gốc ông đã cung cấp cho Tòa án). Quá trình sử dụng: Đúng như lời trình bày của ông N, năm 2018 ông đã phá toàn bộ nhà cũ, xây nhà kiên cố 03 tầng toàn bộ diện tích sàn 66m^2 để cho vợ chồng con trai ông ở, khi ông khởi công và khánh thành nhà vợ chồng ông đều mời ông N tới dự và tiếp khách cho ông, anh chị em trong gia đình vui vẻ không ai có tranh chấp gì. Trong di chúc bố ông cũng thừa nhận tiền mua đất là của ông vì vậy thửa đất này không pH là di sản của bố ông để lại nên ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông N.

- Đối với thửa số 5103, tờ bản đồ số 12 diện tích 850m^2 (trong đó có 300m^2, 310m^2 ao, 240m^2 đất vườn tạp) khoảng năm 1974 bố ông xin cấp đất dãn cư với diện tích hơn 400m^2 khi được cấp đất bố ông có hỏi vợ chồng ông N ở lại nhà ông đang ở hay ra thổ đất mới được cấp, ông N nhận ra thổ mới, sau đó bố

ông mượn người làm 03 gian nhà nhỏ rồi giao cho ông N đến ở. Bên cạnh thổ đất này bố mẹ ông còn một mảnh đất khoảng 100m^2 gia đình ông trồng dong và khoai, ông N xin bố ông mảnh đất này rồi đổi lấy đất của cụ Đương (hiện nay ông Phạm Văn Dần là con trai ông Đương đang sử dụng) và 01 ao với diện tích 310m^2 đứng tên bố ông, năm 1986 ông N xin bố ông để nuôi cá. Năm 1989 thực hiện Nghị quyết số 10 của Bộ chính trị về việc giao đất cho các hộ nông dân, diện tích đất ao này được trừ vào đất tiêu chuẩn được chia của cụ Ngọ. Khi đó vợ chồng ông ở cùng bố nên ông sử dụng đất ruộng còn ông N vẫn quản lý sử dụng đất ao này. Năm 1995 ông N làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất đã kê khai cả diện tích đất ao này mang tên ông N. Do vậy, ông đề nghị Tòa án xác định đây là di sản thừa kế của cụ Ngọ để lại và chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Đối với diện tích đất 115 tại thửa số 5139, tờ bản đồ số 12, diện tích 655m^2 (trong đó có 600m^2 đất ruộng và 55m^2 đất mạ), năm 1995 đã được UBND huyện Nam Ninh cấp GCNQSDĐ mang tên bố ông (cụ Tô Văn Ngọ). Quá trình sử dụng diện tích đất này trước năm 1990 vợ chồng ông cấy lúa để lấy thóc nuôi bố, sau năm 1990 ông N xin cấy, bố ông đồng ý giao cho ông N quản lý và canh tác. Đến năm 2019 ông N gọi ông về đặt vấn đề chia đất 115 làm đôi cho ông và ông N, ông có ý kiến nên họp tất cả các anh chị em trong gia đình nhưng ông N nói không cần họp, đồng thời ông N có lập biên bản ký trước rồi xin chữ ký của ông và 05 người con gái (07 anh chị em đều đồng ý ký biên bản) sau đó ông đưa biên bản cho cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa theo quy định. Đến nay ông chưa nhận được giấy tờ gì, thửa đất này hiện nay gia đình ông N đang sử dụng. Nên ông đề nghị Tòa án xác định đây là di sản thừa kế của cụ Ngọ để lại và chia theo quy định của pháp luật để bảo về quyền lợi cho các anh chị em trong gia đình.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2021, bản tự khai ngày 12/5/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong các Bà Tô Thị N, Tô Thị C, Tô Thị T, Tô Thị L và bà Tô Thị S trình bày:

- Về quan hệ huyết thống và nguồn gốc đất đang tranh chấp đối với thửa 5041, diện tích 340m^2 tờ bản số 12 là của ông cha để lại đúng như ông N và ông V trình bày. Ông Tô Văn V là con trai út ở cùng với bố (cụ Ngọ) mọi sinh hoạt của bố đều do vợ chồng ông V chịu trách nhiệm, các anh chị em trong gia đình không ai pH đóng góp gì. Hiện nay thửa đất này đã được cấp GCNQSDĐ mang tên ông Tô Văn V từ năm nào các bà không biết. Quá trình sử dụng ông V đã tu sửa lại toàn bộ 03 gian nhà cấp 4 và buồng phía Đông có hiên kiên cố để sử dụng cho đến nay không ai pH đóng góp gì.

- Đối với thửa đất số 3971-3, tờ bản đồ số 10 diện tích 66m^2 tại làng Dứa, xã Hồng Quang hiện mang tên cụ Tô Văn Ngọ là đất của ông Tô Văn V, năm 1995 cụ Ngọ chỉ đứng đơn đề nghị xin mua đất thay ông V, ông V là người bỏ tiền, vì cụ Ngọ thuộc diện gia đình chính sách được diện ưu tiên để hợp thức giải quyết với dân làng Dứa. Quá trình sử dụng đúng như ông N và ông V đã trình bày các bà không có ý kiến tranh chấp gì.

- Đối với thửa số 5103, tờ bản đồ số 12 diện tích 850m^2 khoảng năm 1974 bố các bà (cụ Ngọ) xin cấp đất dãn cư, sau khi được cấp bố có hỏi ông N là "Ở lại đây hay ra thổ đất mới được cấp, nếu ở lại đây thì tao và mẹ con thằng V đến đằng kia". Vợ chồng ông N xin đến thổ mới cấp, bên cạnh thửa đất mới bố mẹ các bà còn có 01 mảnh đất khoảng hơn 100m^2 giao cho ông N sử dụng, ông N đã đổi cho cụ Đương và năm 1982 cụ Ngọ và ông V nhận 01 sào ao của HTX mang tên Tô Văn Ngọ để nuôi cá nộp sản cho HTX, năm 1986 cụ Ngọ tổ chức họp gia đình chia tài sản trong nhà cho các con, trong đó có 01 ao thả cá giao cho ông V và ông N sử dụng chung, nhưng ông N không đồng ý nên cụ Ngọ đã giao cho ông N sử dụng cho đến nay.

- Đối với đất 115 mang tên cụ Tô Văn Ngọ, 07 anh chị em trong gia đình đã thống nhất chia cho ông N và ông V mỗi người 1/2.

Đối với các tài sản khác: Cụ Ngọ đã phân chia đều cho các con hiện cụ không có tài sản gì, toàn bộ tài sản trong nhà (thửa thửa 5041) là của vợ chồng ông V mua sắm để sử dụng nên các bà không tranh chấp gì.

Nay ông N và ông V xảy ra tranh chấp các bà đều mong 02 ông hòa giải, nếu không thỏa thuận được các bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu di sản của bố mẹ để lại đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông Tô Ngọc N và ông Tô Văn V hiện các ông đang quản lý sử dụng, mà các bà được hưởng kỷ phần theo quy đinh của pháp luật, thì các bà giao lại cho ông N và ông V tiếp tục quản lý sử dụng, không yêu cầu các ông pH thanh toán tiền chệnh lệch tài sản cho các bà.

Đối với di sản mang tên cụ Tô Văn Ngọ nếu pH chia theo pháp luật mà các bà được hưởng thì các bà giao lại hết cho ông Tô Văn V quản lý sử dụng, không yêu cầu ông V pH thanh toán tiền chệnh lệch tài sản cho các bà, vì khi bố còn sống ông V sửa nhà sắm đồ lo công việc, phụng dưỡng bố, các bà không pH đóng góp gì.

Về bản di chúc của cụ Ngọ: Các bà khẳng định bản di chúc gốc ông Tô Văn V cung cấp cho Tòa án đúng là chữ viết và chữ ký của cụ Ngọ, vì khi bố viết di chúc có bà T chứng kiến.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS – ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện NT quyết định.

Căn cứ vào các Điều 609; 612, 613, 623; 624; 628; 630; 631; 635, 643; 649, 650, 651, 659, 660 Bộ luật dân sự; Điều 166; Điều 167; Điều 179 và Điều 203 Luật đất đai; khoản 5 Điều 26; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Ngọc N về việc "Chia di sản thừa kế" đối với thửa đất số: 5041, tờ bản số 12, diện tích 340m^2 ở thôn Mộng Lương, xã Hồng Quang và thửa đất số: 3971-3, tờ bản đồ số 10, diện tích 66m^2 ở làng Dứa, xã Hồng Quang, huyện NT, tỉnh NĐ.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Tô Văn V về việc "Chia di sản thừa kế" đối với thửa đất số: 5103, tờ bản đồ số 12, diện tích 850m^2 và thửa đất số: 5139, tờ bản đồ số 12, diện tích 650m^2 đất ruộng cùng ở thôn Mộng Lương, xã Hồng Quang, huyện NT, tỉnh NĐ.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tô Ngọc N và ông Tô Văn V.

Hoàn trả lại cho ông Tô Ngọc N số tiền tạm ứng án phí 13.750.000 đồng ông N đã nộp theo biên lai thu số 0000320 ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NT, tỉnh NĐ.

* Ngày 12/10/2022 ông Tô Ngọc N kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Ngày 26/10/2022 ông Tô Văn V kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu phản tố của ông.

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày, quan điểm, yêu cầu như đã nêu trên.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị đơn xin rút yêu cầu kháng cáo đối với thửa đất số 5103, tờ bản đồ số 12 diện tích 850m^2, còn các yêu cầu kháng cáo khác vẫn giữ nguyên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS – ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện NT. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị đơn xin rút.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Tô Ngọc N và ông Tô Văn V là hợp lệ và làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế, diện và hàng thừa kế, các đương sự đều thống nhất và không có ý kiến gì.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Đoàn Thị Củ chết năm 1952, cụ Phan Thị Lành chết năm 1975 và cụ Tô Văn Ngọ chết năm 2011, ông Tô Văn V đề nghị áp dụng thời hiện khởi kiện. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Củ và cụ Lành đã hết, của cụ Ngọ vẫn còn.

[2.3] Về di chúc: Bản di chúc của cụ Tô Văn Ngọ lập ngày 08 tháng giêng năm canh Thìn (tức ngày 12/02/2000 dương lịch) có xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 14/02/2000 với nội dung để lại toàn bộ tài sản cụ đang ở (gồm nhà, đất và tài sản trên đất) và 66m^2 đất làng Dứa cho ông Tô Văn V.

Ông Tô Ngọc N không đồng ý với nội dung di chúc và cho rằng đây là bản di chúc do ông V thêu dệt, đã qua một người thứ 2 nào đó nhằm chiến đoạt tài sản của cụ Ngọ; cụ Ngọ sinh năm 1914, đến năm 2000 thì cụ đã 86 tuổi nhưng di chúc lại ghi 84 tuổi; di chúc không pH là chữ viết và chữ ký của cụ Ngọ, nên di chúc này là không phù hợp. Ông N làm đơn đề nghị Tòa án giám định chữ viết và ký tên của cụ Ngọ trong bản di chúc. Trên cơ sở tài liệu là mẫu so sánh do ông N cung cấp, Tòa án nhân dân huyện NT đã ra quyết định trưng cầu giám định. Ngày 26/3/2021 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh NĐ ban hành Kết luận số 392/KLGĐ-PC09 kết luận "Chữ ký, chữ viết trên bản gi chúc, so với chữ viết trên tài liệu gồm 03 mẫu vật so sánh ký tên "Ngọ" là cùng một người ký, viết ra.

Như vậy có căn cứ xác định di chúc là do cụ Ngọ viết, nội dung di chúc thể hiện việc định đoạt tài sản đúng với hiện trạng tài sản các đương sự đang sử dụng tại thời điểm lập di chúc, có ghi rõ ngày tháng năm lập di chúc và có xác nhận chính quyền địa phương sau khi lập di chúc. Trên thực tế thì gia đình ông V quản lý sử dụng hai thửa đất và tài sản trên đất theo như di chúc cụ Ngọ để lại mấy chục năm nay khong ai tranh chấp, ông N biết nhưng không có ý kiến gì. Vì vậy căn cứ vào các Điều từ 624 đến 628 và Điều 630, 631, 635 Bộ luật dân sự thì bản di chúc này là hợp pháp.

[2.4] Về di sản thừa kế:

- Thửa 5041, diện tích 340m^2 tờ bản số 12 các đương sự đều thừa nhận là di sản của của cụ Ngọ, cụ Củ và cụ Lành để lại. Quá trình sử dụng do ông Tô Văn V là con trai út trong gia đình, sống cùng bố (cụ Ngọ) nên ông V đã có tên trong bản đồ địa chính 299 từ năm 1986, bản đồ đo đạc năm 1990 chỉnh lý năm 1995; đồng thời năm 1995 ông V đã đứng lên kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và đã được UBND huyên Nam Ninh cấp GCNQSDĐ vào năm 1995 mang tên ông Tô Văn V. Tài sản trên đất có 03 gian nhà cấp 4 đã cũ không còn giá trị sử dụng, được sự đồng ý của cụ Ngọ, ông V đã bỏ tiền tu sửa lại nhiều lần toàn bộ 03 gian nhà cấp 4 và buồng phía Đông có hiên kiên cố như hiện nay. Trước khi chết cụ Ngọ đã lập di chúc để lại toàn bộ nhà đất này cho ông Tô Văn V, tuy nhiên theo Điều 15 luật hôn nhân gia đình năm 1959 thì thửa đất này là tài sản chung của cụ Ngọ, cụ Củ và cụ Lành nhưng cụ Ngọ lại định đoạt toàn bộ nên di chúc của cụ Ngọ bị vô hiệu một phần (Vô hiệu đối với phần di sản của cụ Củ và cụ Lành)

Quá trình giải quyết vụ án ông V đề nghị áp dụng thời hiệu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản

thừa kế của cụ Củ và cụ Lành đã hết thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó. Ông V là người quản lý sử dụng tài sản từ khi cụ Củ và cụ Lành chết cho đến nay nên phần di sản của cụ Củ và cụ Lành thuộc về ông V. Như vậy ông V được hưởng thừa kế toàn bộ thửa đất 5041, diện tích 340m^2 theo di chúc và theo thời hiệu, do đó yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với thửa đất số 5041 diện tích 340m^2 của ông Tô Ngọc N là không được chấp nhận.

- Đối với thửa đất số 3971-3, tờ bản đồ số 10, diện tích 66m^2 tại làng Dứa, xã Hồng Quang hiện mang tên cụ Tô Văn Ngọ. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, xác minh lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Thái Tạt nguyên là Chủ tịch UBND xã Hồng Quang cung cấp: Năm 1995 do chủ trương của huyện giao quyền cho xã Hồng Quang thanh lý quầy hàng mua bán của HTX, lúc đó ông Tô Văn V là Phó Chủ nhiệm nông nghiệp Hồng Tiến, ông V và ông My xin mua, do nhân dân xóm Dứa cho rằng đất này là của xóm Dứa xây miếu và muốn xin lại nhưng ông Tạt không cho vì ông đã ký bán cho ông My và ông V. Ông V thấy khó khăn nên nhờ bố (cụ Tô Văn Ngọ) thuộc gia đình chính sách đứng tên mua, nhưng ông V là người nộp tiền vào ngày 30/01/1995, phiếu thu ngân sách xã bản gốc ông V cung cấp cho Tòa án đúng chữ ký của ông và dấu của Ủy ban. Lời cung cấp của ông Tạt phù hợp với nội dung trong bản di chúc của cụ Tô Văn Ngọ *"... năm 1996 xã bán cửa hàng tôi đứng tên, vợ chồng V trả tiền vì vậy tôi còn sống bố con ông cháu dùng chung, tôi qua đời vợ chồng V sở hữu toàn bộ.... và cửa hàng ở Dứa..."* và lời khai của ông V và các bà Nghé, T, L, C, S. Do vậy, thửa đất này được xác định không pH là di sản thừa kế cụ Ngọ để lại, nên yêu cầu khởi kiện của ông Tô Ngọc N về việc chia thừa kế đối với thửa đất này là không có căn cứ chấp nhận.

- Đối với thửa số 5103, tờ bản đồ số 12 diện tích 850m^2 (trong đó có 300m^2, 310m^2 ao, 240m^2 đất vườn tạp): Tại phiên tòa ông V rút yêu cầu kháng cáo đối với thửa đất này, xét việc rút một phần kháng cáo của ông V là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này của ông V.

- Đối với diện tích đất 115 tại thửa số 5139, tờ bản đồ số 12, diện tích 655m^2 (trong đó có 600m^2 đất ruộng và 55m^2 đất mạ), GCNQSDĐ mang tên ông Tô Văn Ngọ vào năm 1995, nên xác định diện tích đất này là di sản của cụ Ngọ để lại. Quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập các tài liệu chứng cứ và ý kiến trình bày của các đương sự đều thể hiện: 07 anh chị em trong gia đình đã thống nhất chia diện tích đất này cho ông Tô Ngọc N và ông Tô Văn V mỗi người 1/2. Năm 2013 địa phương đã thực hiện việc dồn điền đổi thửa theo chủ trương của nhà nước và căn cứ vào đề nghị của các đương sự, hiện nay trên bản đồ địa chính số 12 của xã Hồng Quang thể hiện: Tại thửa 5139/3, diện tích 315m^2 đất mang tên ông Tô Văn V và thửa 5139/2, diện tích 711m^2 mang tên ông Tô Ngọc N (trong đó có cả diện tích đất ông N nhận thừa kế của gia đình bà Phạm Thị H). Ông N nhất trí với bản đồ địa chính xã; các bà Nghé, T, L, C, S có ý kiến nếu di sản thừa kế của bố mẹ để lại hiện đứng tên ông N và ông V thì các bà đồng ý tiếp tục giao cho 02 ông sử dụng, các bà không yêu cầu các ông pH thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho các bà. Như vậy diện tích đất này các

đương sự là những đồng thừa kế thỏa thuận, định đoạt chia cho ông N và ông V, đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết và được thể hiện trên bản đồ giải thửa của xã. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Tô Văn V về yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 655m^2 đất tại thửa số 5139, tờ bản đồ số 12.

[2.5] Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy những quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp và có căn cứ pháp luật, tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không đưa ra được lý lẽ thuyết phục để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Tô Ngọc N và ông Tô Văn V pH chịu án phí phúc thẩm, tuy nhiên hai ông đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, vì vậy miễn toàn bộ án phí cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 148, 289 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Ngọc N và ông Tô Văn V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS - ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện NT.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông Tô Văn V về thửa số 5103, tờ bản đồ số 12 diện tích 850m^2.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Tô Ngọc N và ông Tô Văn V.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người pH thi hành án có quyền Tả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh NĐ;
- TAND huyện NT;
- Chi cục THADS huyện NT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng